

Số: 41 /2023/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 912/TTr-STNMT ngày 13 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số mức chi sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các nhiệm vụ, dự án) do ngân sách nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Mức chi

1. Một số mức chi sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
1.2	Thành viên, thư ký	Người/buổi	240	
1.3	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	120	
1.4	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	300	
1.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
2	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
3	Điều tra, khảo sát			
3.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
3.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	40	
	- Tổ chức	Phiếu	80	
3.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
3.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	80	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
3.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	160	
4	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:			
4.1	Nhiệm vụ	Báo cáo	5.000	
4.2	Dự án	Báo cáo		

	Dự án dưới 500 triệu đồng.		8.000	
	Dự án từ 500 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng.		10.000	
	Dự án trên 2.000 triệu đồng.		12.000	
5	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
5.1	Chủ tịch hội đồng thẩm định/Trưởng Đoàn kiểm tra	Người/buổi	560	
5.2	Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định/Phó Trưởng Đoàn kiểm tra	Người/buổi	480	
5.3	Thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra	Người/buổi	240	
5.4	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	120	
5.5	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện	Bài viết	300	
5.6	Bài nhận xét của Ủy viên Hội đồng/Thành viên Đoàn kiểm tra	Bài viết	200	
5.7	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (<i>số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03</i>)	Bài viết	320	
6	Hội thảo khoa học (nếu có)			
6.1	Người chủ trì	Người/buổi	400	
6.2	Thư ký Hội thảo	Người/buổi	240	
6.3	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	120	
6.4	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	
7	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
7.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	
	- Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
7.2	Nghiệm thu dự án:			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	560	
	- Thành viên, thư ký Hội đồng	Người/buổi	320	
	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện	bài viết	300	

	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	200	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	120	
8	Chi giải thưởng môi trường			
8.1	Tổ chức		10.000	
8.2	Cá nhân		5.000	

2. Mức chi phí lập nhiệm vụ, dự án được thực hiện theo quy định tại Thông 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với những nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt đề cương và dự toán, đang triển khai thực hiện không phải xây dựng lại dự toán kinh phí theo mức chi tại Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra BVQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Triệu Thế Hùng